

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

HÀ THÁI SƠN

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP
CÓ VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI
CỦA CHÍNH QUYỀN TỈNH BẮC NINH**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ

HÀ NỘI - 2025

Công trình được hoàn thành tại
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS.TS. NGUYỄN NGỌC SƠN
2. TS. HỒ SỸ NGỌC



Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp học viện
họp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

vào hồi giờ..... ngày..... tháng..... năm 20...

Có thể tìm hiểu luận án tại: Thư viện Quốc Gia
và Thư viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Tỉnh Bắc Ninh là một trong những địa phương dẫn đầu cả nước về thu hút FDI, với 1.340 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tính đến cuối năm 2023. Khu vực doanh nghiệp này đã đóng góp to lớn cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Những kết quả đó đạt được nhờ sự hiệu quả trong công tác QLNN, góp phần xây dựng môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch nhưng vẫn đảm bảo khuôn khổ pháp lý nghiêm minh. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu, công tác QLNN đối với doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số tồn tại. Bên cạnh đó, bối cảnh quốc tế và trong nước đang đặt ra nhiều thách thức mới. Về mặt lý luận, tuy đã có nhiều nghiên cứu về QLNN đối với doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN, song các nghiên cứu đi sâu vào vai trò của chính quyền cấp tỉnh, đặc biệt ở giai đoạn sau cấp phép (như quản lý lao động, thuế, môi trường, chuyển giao công nghệ), vẫn còn hạn chế. Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn và khoảng trống lý luận nêu trên, tác giả lựa chọn đề tài: “Quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của chính quyền tỉnh Bắc Ninh” làm luận án Tiến sĩ chuyên ngành Quản lý kinh tế.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu:

Làm rõ và bổ sung thêm cơ sở lý luận về QLNN đối với doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN của chính quyền cấp tỉnh. Đề xuất phương hướng và giải pháp hoàn thiện QLNN đối với doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN của chính quyền tỉnh Bắc Ninh trong thời gian tới.

Nhiệm vụ nghiên cứu:

- Tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước.
- Hệ thống hóa và phát triển cơ sở lý luận.
- Phân tích, đánh giá thực trạng QLNN đối với doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN của chính quyền tỉnh Bắc Ninh trong giai đoạn 2015–2024.
- Đề xuất phương hướng và hệ thống giải pháp.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Đối tượng nghiên cứu của đề tài luận án là QLNN đối với doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN của chính quyền cấp tỉnh.

Phạm vi nghiên cứu:

- *Phạm vi về đối tượng quản lý:* các doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN.
- *Phạm vi về chủ thể quản lý:* Chủ thể quản lý mà đề tài luận án nghiên cứu là chính quyền tỉnh Bắc Ninh.
- *Phạm vi về nội dung:* Luận án tập trung nghiên cứu các nội dung QLNN đối với các doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN thuộc thẩm quyền quản lý của chính quyền tỉnh Bắc Ninh, tập trung vào giai đoạn sau thành lập doanh nghiệp.
- *Phạm vi thời gian:*
 - + Đề tài nghiên cứu thực trạng trong thời gian từ 2015 - 2024.
 - + Đề xuất giải pháp thực hiện cho giai đoạn 2025 - 2030, định hướng đến 2035.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

*** Cơ sở lý luận:**

Các luận điểm, giả thiết và luận giải phân tích trong luận án được trình bày trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của triết học Mác - Lênin, kinh tế chính trị Mác – Lênin, Lý thuyết thể chế (Institutional Theory), lý thuyết phát triển (Development Theory)

*** Phương pháp nghiên cứu**

- Phương pháp thống kê; Phương pháp phân tích, tổng hợp; Phương pháp so sánh; Phương pháp điều tra xã hội học; Phương pháp phỏng vấn; Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi.

5. Những đóng góp mới của đề tài luận án

- Về lý luận:

- + Luận án đã hệ thống hóa và phát triển khung lý thuyết.
- + Luận án xây dựng và đề xuất một mô hình lý thuyết về các yếu tố tác động đến hiệu quả quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN.
- Về phương pháp nghiên cứu: nghiên cứu sử dụng mô hình định lượng để xác định và đo lường mức độ ảnh hưởng của các yếu tố cụ thể đến hiệu quả QLNN đối với doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN tại Bắc Ninh, làm cơ sở vững chắc cho việc đề xuất giải pháp.

- Về thực tiễn:

- + Luận án đã phân tích một cách toàn diện, có hệ thống thực trạng quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN tại tỉnh Bắc Ninh.

+ Trên cơ sở đó, luận án đề xuất 5 nhóm giải pháp đổi mới quản lý nhà nước của chính quyền tỉnh Bắc Ninh.

+Kết quả nghiên cứu có thể được vận dụng không chỉ cho Bắc Ninh mà còn là cơ sở tham khảo cho các địa phương có đặc điểm tương đồng trong cả nước.

6. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, nội dung chính của luận án được chia thành 4 chương, 12 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP TỈNH

1.2. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

Thứ nhất, các nghiên cứu đều luận giải và làm rõ được nội hàm một số khái niệm liên quan.

Thứ hai, các công trình nghiên cứu đã nhận diện các nội dung QLNN đối với thành phần kinh tế có vốn ĐTTTNN.

Thứ ba, các nhân tố ảnh hưởng đến QLNN đối với các doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN được các công trình nghiên cứu chỉ ra.

Thứ tư, đề xuất các giải pháp hướng tới việc hoàn thiện QLNN với khu vực kinh tế có vốn ĐTTTNN phù hợp với điều kiện của từng địa phương.

Thứ năm, các công trình nghiên cứu đã bước đầu áp dụng các phương pháp nghiên cứu định lượng và các mô hình phân tích hiện đại vào lĩnh vực này.

1.3. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐƯỢC LỰA CHỌN NGHIÊN CỨU, CÂU HỎI NGHIÊN CỨU VÀ KHUNG PHÂN TÍCH

1.3.1. Những khoảng trống nghiên cứu

- *Về lý luận*: Khái niệm QLNN của chính quyền cấp tỉnh đối với doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN chưa được định nghĩa một cách đầy đủ và thống nhất.

- *Về thực tiễn*:

+ *Không gian*: Chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống, toàn diện và chuyên sâu về QLNN đối với doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN của chính quyền tỉnh Bắc Ninh ở cấp độ luận án tiến sĩ, đặc biệt là tập trung vào giai đoạn sau cấp phép.

+ *Thời gian*: Các nghiên cứu hiện có chưa cập nhật đầy đủ những tác động của bối cảnh mới.

- *Về nội dung*: Còn thiếu các nghiên cứu đi sâu phân tích đồng bộ và toàn diện các nội dung quản lý sau cấp phép (lao động, thuế, môi trường, công nghệ) và mối liên hệ giữa chúng trong thực tiễn quản lý tại Bắc Ninh.

- *Về phương pháp*: Thiếu vắng các nghiên cứu sử dụng mô hình định lượng để xác định và đo lường mức độ ảnh hưởng của các yếu tố cụ thể đến hiệu quả QLNN đối với doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN tại Bắc Ninh, làm cơ sở vững chắc cho việc đề xuất giải pháp.

1.3.2. Những vấn đề được lựa chọn nghiên cứu trong đề tài luận án

Thứ nhất, bổ sung và làm rõ cơ sở lý luận về QLNN của chính quyền cấp tỉnh đối với doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN, tập trung vào các nội dung quản lý sau cấp phép (lao động, thuế, môi trường, công nghệ), các tiêu chí đánh giá hiệu quả và các yếu tố ảnh hưởng.

Thứ hai, phân tích, đánh giá thực trạng QLNN đối với doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN của chính quyền tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2015-2024.

Thứ ba, xây dựng và kiểm định mô hình định lượng các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả QLNN đối với doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN của chính quyền tỉnh Bắc Ninh, xác định mức độ tác động của từng yếu tố.

Thứ tư, đề xuất phương hướng và hệ thống giải pháp đồng bộ, khả thi nhằm hoàn thiện QLNN đối với doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN của chính quyền tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2035.

1.3.3. Khung phân tích và câu hỏi nghiên cứu

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP TỈNH

2.1. KHÁI QUÁT VỀ DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI

2.1.1. Khái niệm doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Trong khuôn khổ luận án này, doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN được hiểu là *tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài là thành viên hoặc cổ đông góp vốn (không phân biệt tỷ lệ), trực tiếp tham gia quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mục tiêu lợi nhuận và phải chịu sự quản lý của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở nước sở tại.*

2.1.2. Đặc điểm của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Thứ nhất, sở hữu vốn và tư cách pháp nhân.

Thứ hai, hoạt động vì mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận.

Thứ ba, tính quốc tế và sự đa dạng văn hóa trong kinh doanh.

Thứ tư, về quan hệ lao động.

2.1.3. Phân loại doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

2.1.3.1. Phân loại theo hình thức đầu tư

2.1.3.2. Phân loại theo tỷ lệ góp vốn của nhà đầu tư nước ngoài

2.1.3.3. Phân loại theo lĩnh vực, ngành nghề đầu tư

2.1.3.4. Phân loại theo quy mô vốn đầu tư

2.1.4. Vai trò của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội địa phương

2.1.4.1. Vai trò đối với phát triển kinh tế địa phương

2.1.4.2. Vai trò đối với phát triển xã hội địa phương

2.2. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP TỈNH

2.2.1. Khái niệm quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của chính quyền cấp Tỉnh

Theo NCS trong luận án này có thể hiểu: *Quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của chính quyền cấp Tỉnh là hoạt động quản lý mang tính chấp hành, điều hành của chính quyền tỉnh*

(UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn) bằng quyền lực nhà nước, thông qua hệ thống pháp luật, chính sách, kế hoạch và các công cụ quản lý khác, nhằm định hướng, điều tiết, hỗ trợ và giám sát quá trình thành lập, hoạt động và phát triển của các doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN trên địa bàn tỉnh, đảm bảo tuân thủ pháp luật, hài hòa lợi ích các bên và đạt được các mục tiêu phát triển KT-XH của địa phương và quốc gia. ”.

2.2.2. Mục tiêu quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của chính quyền cấp Tỉnh

Thứ nhất, đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN tuân thủ pháp luật và định hướng phát triển địa phương.

Thứ hai, thúc đẩy đóng góp tích cực của doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN cho địa phương.

Thứ ba, bảo đảm an ninh, trật tự và ổn định xã hội. Chính quyền tỉnh cần giám sát chặt chẽ để hoạt động của doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN không ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, đặc biệt tại các khu vực nhạy cảm.

2.2.3. Nguyên tắc quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của chính quyền cấp tỉnh

Một là, nguyên tắc công khai, minh bạch trong toàn bộ quy trình quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp.

Hai là, nguyên tắc hiệu quả quản lý.

Ba là, nguyên tắc không can thiệp vào hoạt động kinh doanh hợp pháp.

Bốn là, nguyên tắc công bằng trong thực thi pháp luật.

Năm là, nguyên tắc ổn định chính sách.

2.2.4. Công cụ và phương pháp quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của chính quyền cấp tỉnh

2.2.4.1. Công cụ quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN của chính quyền cấp tỉnh

- Công cụ pháp luật và chính sách; Công cụ tổ chức - bộ máy hành chính; Công cụ tài chính – ngân sách; Công cụ thông tin và truyền thông; Công cụ kiểm tra, giám sát và đánh giá.

2.2.4.2. Phương pháp quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của chính quyền cấp tỉnh

- Phương pháp hành chính – pháp lý; Phương pháp kinh tế; Phương pháp tuyên truyền – vận động; Phương pháp hỗ trợ – phục vụ; Phương pháp phối hợp liên ngành, liên cấp

2.2.5. Nội dung quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của chính quyền cấp Tỉnh

2.2.5.1. Quản lý hoạt động thành lập doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Quản lý thành lập, điều chỉnh, giải thể doanh nghiệp: Bao gồm cấp phép đầu tư, đăng ký kinh doanh, kiểm tra năng lực tài chính và giám sát quá trình hoạt động.

2.2.5.2. Quản lý về lao động trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Thứ nhất, để tạo lập sự cân bằng cung cầu trên thị trường lao động.

Thứ hai, Quản lý người lao động trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Thứ ba, đảm bảo việc thực hiện pháp luật lao động trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

2.2.5.3. Quản lý về thuế đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Thứ nhất, tuyên truyền pháp luật về thuế.

Thứ hai, thu các khoản thuế theo quy định kết hợp với thực hiện các chính sách ưu đãi thuế.

Thứ ba, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về thuế của các doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN

2.2.5.4. Quản lý về bảo vệ môi trường và chuyển giao khoa học công nghệ

Thứ nhất, Quản lý về bảo vệ môi trường.

Các cơ quan QLNN cần thực hiện các công việc đó là:

- Việc tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến pháp luật môi trường tại các doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN;

- Hướng dẫn việc chấp hành các quy định pháp luật về môi trường trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN.

- Chủ trì lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường đối với các doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN.

Thứ hai, quản lý về chuyển giao khoa học công nghệ.

Chính quyền tỉnh cần đánh giá công nghệ trong quá trình cấp phép đầu tư, theo dõi việc thực hiện cam kết chuyển giao, khuyến khích doanh nghiệp

có vốn ĐTTTNN liên kết với doanh nghiệp trong nước, trường đại học để hỗ trợ chuyển giao công nghệ.

Khi các doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN đã đi vào hoạt động, các cơ quan QLNN cần chú trọng tới các vấn đề về: Điều kiện kết cấu hạ tầng; Thể chế chính sách; trình độ người lao động để có thể tiếp nhận được khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại từ các doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN.

2.2.6. Tiêu chí đánh giá và các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của chính quyền cấp tỉnh

2.2.6.1. Các tiêu chí đánh giá

Thứ nhất, tiêu chí đánh giá nội dung quản lý hoạt động thành lập doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Thứ hai, đánh giá nội dung quản lý nhà nước về lao động trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Thứ ba, các chỉ tiêu đánh giá quản lý nhà nước về thuế đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Thứ tư, các tiêu chí đánh giá quản lý về môi trường, mức độ chuyển giao KHCN.

2.2.6.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của chính quyền cấp Tỉnh

- Các nhân tố chủ quan

Thứ nhất, sự phân công và phối hợp thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của chính quyền cấp Tỉnh.

Thứ hai, năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của chính quyền cấp Tỉnh.

Thứ ba, Cơ sở hạ tầng, trình độ công nghệ, kỹ thuật phục vụ công tác quản lý nhà nước đối các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

- Các nhân tố khách quan

Thứ nhất, cơ chế, chính sách của Nhà nước có liên quan.

Thứ hai, bối cảnh hội nhập, cách mạng công nghiệp 4.0 và điều kiện kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương

Thứ ba, mục tiêu hoạt động, trách nhiệm và ý thức chấp hành của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

2.3. KINH NGHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI CỦA MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG VÀ BÀI HỌC RÚT RA CHO TỈNH BẮC NINH

2.3.1. Kinh nghiệm của các địa phương

2.3.1.1. Kinh nghiệm của tỉnh Bình Dương

2.3.1.2. Kinh nghiệm của tỉnh Vĩnh Phúc

2.3.1.3. Kinh nghiệm của tỉnh Quảng Ninh

2.3.2. Các bài học rút ra cho tỉnh Bắc Ninh

Thứ nhất, tăng cường vai trò kiến tạo và phục vụ của chính quyền địa phương trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN.

Thứ hai, chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực địa phương và gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN trong đào tạo nghề.

Thứ ba, siết chặt quản lý môi trường trong hoạt động của các doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN, hướng đến phát triển bền vững.

Thứ tư, hiện đại hóa công tác quản lý thuế và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN.

Thứ năm, thúc đẩy chuyển giao khoa học và công nghệ trong doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN

Chương 3

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH QUYỀN TỈNH BẮC NINH

3.1. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI CỦA TỈNH BẮC NINH VÀ DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN GIAI ĐOẠN 2015 – 2024

3.1.1. Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của tỉnh Bắc Ninh có ảnh hưởng đến quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

3.1.2. Khái quát về doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

3.1.2.1. Số lượng và cơ cấu doanh nghiệp

Qua bảng 3.2. có thể thấy, số lượng các doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN ở tỉnh Bắc Ninh có số lượng đứng thứ 2 trong tổng số các doanh nghiệp của Tỉnh và có xu hướng tăng dần qua các năm. Năm 2018 có 935 doanh nghiệp, chiếm 12,2% trong tổng số doanh nghiệp của Tỉnh. Đến năm 2023 tăng lên 1370 doanh nghiệp, chiếm 10,4% trong tổng số doanh nghiệp của Tỉnh. Trong tổng số doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN thì đa số là doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài. Năm 2023, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài chiếm 94,9% trong tổng số doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN.

3.1.2.2. Tình hình hoạt động của các doanh nghiệp có vốn đầu tư ở tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2015-2024

Khu vực FDI hiện đóng góp:

- Trên 60% GRDP
- Gần 99% kim ngạch xuất khẩu
- Khoảng 30% thu ngân sách địa phương
- Tạo việc làm cho gần 500.000 lao động

3.2. PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH QUYỀN TỈNH BẮC NINH GIAI ĐOẠN 2015-2024

3.2.1. Nội dung quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của chính quyền cấp Tỉnh

3.2.1.1. Quản lý hoạt động thành lập doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Nhìn chung, thời gian qua, công tác thẩm định về cấp Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư tại tỉnh Bắc Ninh đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Qua công tác thẩm định cũng đã phát hiện một số dự án không đáp ứng đúng quy định, nhất là không phù hợp với quy hoạch KTXH, quy hoạch ngành, quy hoạch sử dụng đất... Đối với những nội dung không đạt yêu cầu, các cơ quan thẩm định đã hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện cho đúng với quy định, đảm bảo điều kiện cấp phép đầu tư. Còn đối với các nội dung như không đáp ứng điều kiện pháp lý của nhà đầu tư nước ngoài, điều kiện về công nghệ, môi trường thì các cơ quan thẩm định cương quyết từ chối, không cấp phép đầu tư. Qua khảo sát thực tế, có 23,7% doanh nghiệp đánh giá hoạt động thẩm định và cấp giấy phép của Tỉnh là Nhanh chóng, chính xác và phù hợp; 75,3% cho rằng hoạt động này cơ bản đáp ứng yêu cầu nhưng cần hoàn thiện hơn. Vẫn có 1,1% doanh nghiệp cho rằng hoạt động này là thiếu chuyên nghiệp, không khách quan, chậm trễ.

Qua khảo sát thực tế trên 180 doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN, về thủ tục hành chính, 60% doanh nghiệp cho biết họ hoàn tất thủ tục xin giấy tờ trong vòng một tuần, 32.2% cần từ một tuần đến dưới một tháng, và chỉ một tỷ lệ nhỏ (5.6%) mất từ một đến ba tháng. Liên quan đến thời gian giải quyết thủ tục hành chính, 75% doanh nghiệp nhận xét rằng đa số thủ tục được giải quyết đúng thời gian quy định, 15% cho rằng tất cả thủ tục đều đúng hạn, nhưng vẫn có 7.8% doanh nghiệp cho rằng chỉ một số thủ tục được xử lý đúng thời gian, và 2.2% phản ánh tình trạng chậm trễ. Sự cải thiện tích cực đã diễn ra nhưng vẫn cần điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong quá trình xử lý thủ tục.

3.2.1.2. Quản lý về lao động trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Bảng 3.12. Tình hình lao động trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Bắc Ninh giai đoạn 2015-2023

Năm	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023
I. Tổng số lao động trong	288.232	331.650	400.852	411.826	414.407	462.754	465.976	445.434	451.634

các doanh nghiệp có vốn ĐTTT NN									
II.Lao động nữ	129.3 94 (76,7)	149.1 17 (76,6)	192.0 40 (81,7)	171.2 74 (78,5)	179.3 02 (78)	194.7 12 (75,9)	187.8 88 (73,7)	169.2 06 (71,4)	171.6 48 (69,7)
III.Lao động người địa phương	98.99 7 (34,3)	126.0 77 (38)	154.3 06 (38,4)	157.1 39 (38,1)	163.1 86 (39,4)	167.3 36 (36,2)	168.4 31 (36,1)	171.4 47 (38,5)	178.0 71 (39,4)
IV.Lao động người nước ngoài	1.754	2.848	4.035	4.341	5.086	6.863	6.543	6.371	7.297

Nguồn: [51]

Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Ban Quản lý các KCN cũng phối hợp chặt chẽ với Công an Tỉnh kiểm tra, chấn chỉnh việc cấp giấy phép lao động cho lao động nước ngoài tại địa phương, đảm bảo đúng điều kiện, trình tự, thủ tục quy định; tăng cường quản lý, giám sát chặt chẽ các trường hợp nhập cảnh, lao động nước ngoài đã đăng ký vào làm việc tại các doanh nghiệp; đôn đốc, chỉ đạo các doanh nghiệp thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

Qua bảng số liệu có thể thấy, hoạt động kiểm tra thực hiện pháp luật lao động tại các doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN ở Bắc Ninh diễn ra khá thường xuyên nhưng chưa ổn định về số lượng qua các năm. Năm 2016 ghi nhận số lượng kiểm tra cao nhất (50 doanh nghiệp), trong khi năm 2017 và 2021 số lượng kiểm tra lại giảm đáng kể (chỉ còn 13 và 10 doanh nghiệp). Số doanh nghiệp vi phạm pháp luật lao động tuy dao động nhưng nhìn chung không cao, dao động từ 2 đến 6 vụ mỗi năm, phản ánh phần nào sự tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp đã được cải thiện hoặc việc phát hiện vi phạm còn hạn chế. Đặc biệt, số vụ đình công, lãn công nhìn chung không quá nhiều, nhưng vẫn xuất hiện thường xuyên qua các năm, với mức cao nhất là 4 vụ năm 2021.

3.2.1.3. Quản lý về thuế đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Số lượng doanh nghiệp FDI được cấp mã số thuế tại Bắc Ninh có xu hướng tăng đều qua các năm, từ 487 doanh nghiệp năm 2015 lên 1.035 doanh nghiệp vào năm 2024, phản ánh sự thu hút đầu tư nước ngoài ngày càng gia tăng của địa phương. Tuy nhiên, số lượng doanh nghiệp thực tế đang hoạt động luôn thấp hơn đáng kể so với số được cấp mã số thuế, cho thấy vẫn tồn tại tình trạng doanh nghiệp chậm triển khai, tạm ngừng hoạt động hoặc giải thể sau khi đăng ký đầu tư. Mặc dù vậy, số doanh nghiệp hoạt động thực tế cũng có xu hướng tăng ổn định, từ 301 doanh nghiệp năm 2015 lên 864 doanh nghiệp năm 2024.

Trong giai đoạn 2015-2024, Cơ quan thuế đã phát hiện 847 doanh nghiệp có vốn ĐTTNN có vi phạm về thuế, phạt hành chính số tiền 135,2 tỷ đồng, truy thu 299,9 tỷ đồng. Nguyên nhân truy thu chủ yếu là do xuất toán thuế GTGT đầu vào của hoá đơn không phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh, xuất toán các khoản chi phí không hợp pháp, xác định ưu đãi đầu tư không đúng quy định...

3.2.1.4. Quản lý về bảo vệ môi trường và chuyển giao khoa học công nghệ

Bảng 3.23. Kết quả thanh, kiểm tra về môi trường tại các doanh nghiệp có vốn ĐTTNN tại Bắc Ninh giai đoạn 2015-2024

Năm	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Số cuộc thanh tra, kiểm tra về môi trường	36	38	33	35	27	18	22	40	45	38
Số doanh nghiệp thanh tra, kiểm tra	65	71	76	82	51	44	46	76	74	70

Số doanh nghiệp vi phạm	08	06	07	08	07	10	09	08	07	06
-------------------------------------	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----

Nguồn: [16]

Số cuộc thanh tra, kiểm tra về môi trường tại các doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh trong giai đoạn 2015–2024 có sự dao động nhưng nhìn chung vẫn được duy trì tương đối đều qua các năm. Giai đoạn 2020–2021 ghi nhận mức sụt giảm đáng kể (chỉ còn 18 và 22 cuộc), nhiều khả năng do ảnh hưởng của dịch COVID-19 làm gián đoạn hoạt động thanh tra. Tuy nhiên, từ năm 2022 trở đi, số cuộc kiểm tra đã tăng mạnh trở lại, đạt đỉnh vào năm 2023 với 45 cuộc.

Bảng 3.24. Hoạt động chuyển giao KHCN của các doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN ở tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2015-2024

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm										Tổng số
		2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	
Số hợp đồng chuyển giao KHCN được cấp	Hợp đồng	02	02	02	04	09	07	3	3	9	6	47
Số Giấy chứng nhận bổ sung, sửa đổi	Giấy chứng nhận	0	0	03	01	0	03	3	14	5	2	31

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm										Tổng số
		2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024	
hợp đồng chuyển giao công nghệ												

Nguồn: [50]

Lũy kế đến hết năm 2024, Sở KH&CN Bắc Ninh cấp 47 Giấy chứng nhận hợp đồng chuyển giao công nghệ và Giấy chứng nhận bổ sung, sửa đổi hợp đồng chuyển giao công nghệ cho 24 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Trong đó có 4 doanh nghiệp đến từ Nhật Bản chuyên sản xuất các thiết bị văn phòng và phụ tùng ô tô; số doanh nghiệp còn lại gồm 20 doanh nghiệp đến từ Hàn Quốc chuyên sản xuất các thiết bị điện tử như: điện thoại, ti vi, tủ lạnh và các linh kiện điện tử khác cung cấp cho các công ty là các tập đoàn đa quốc gia: Samsung, Microsoft, Canon, Hồng Hải...

Tuy nhiên, các hợp đồng này đều được thực hiện dưới dạng chuyển giao công nghệ từ công ty mẹ sang công ty con tại Việt Nam, chưa có hợp đồng nào chuyển giao công nghệ từ doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN sang các doanh nghiệp trong nước.

3.2.1.5. Đánh giá thông qua nghiên cứu định lượng

Phân tích hồi quy đã chỉ ra rằng nhân tố Điều kiện chính trị, kinh tế xã hội; Sự phân công, phối hợp thực hiện nhiệm vụ giữa các cơ quan và Mục tiêu, ý thức của doanh nghiệp là ba yếu tố có ảnh hưởng rõ rệt và tích cực đến hiệu quả quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN tại tỉnh Bắc Ninh. Đây là những căn cứ thực tiễn quan trọng để đề xuất các nhóm giải pháp trọng tâm trong phần tiếp theo của luận án.

Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính cho thấy một số nhân tố như Đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước cấp tỉnh (DNCB), Điều kiện vật chất – kỹ thuật (DKVCKT) và Cơ chế, chính sách của Nhà nước liên quan đến doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN (CCCS) có hệ số ảnh hưởng thấp và giá trị Sig. đều lớn hơn 0.05. Điều này cho thấy các nhân tố này chưa thể hiện được tác động rõ rệt và có ý nghĩa thống kê đến hiệu quả quản lý nhà nước đối với

doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (TDQLNN) tại tỉnh Bắc Ninh.

3.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH QUYỀN TỈNH BẮC NINH GIAI ĐOẠN 2015-2024

3.3.1. Những mặt tích cực

Thứ nhất, công tác thẩm định, cấp và điều chỉnh giấy phép đầu tư được thực hiện theo đúng quy trình, chặt chẽ, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

Thứ hai, quản lý lao động trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đảm bảo an toàn, duy trì sự ổn định trong quan hệ lao động

Thứ ba, công tác quản lý thuế được thực hiện có hiệu quả, giúp tăng cường tính minh bạch, giảm thiểu gian lận thuế và nâng cao hiệu quả thu ngân sách cho địa phương.

Thứ tư, triển khai và giám sát chặt chẽ các quy định về bảo vệ môi trường, đảm bảo các doanh nghiệp thực hiện đúng các tiêu chuẩn về xử lý chất thải và giảm thiểu tác động tiêu cực đến hệ sinh thái địa phương.

Thứ năm, Chính quyền tỉnh luôn chú trọng tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp có vốn ĐTTNN hợp tác và chia sẻ công nghệ tiên tiến.

3.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân

3.3.2.1. Những hạn chế

Thứ nhất, quản lý hoạt động thành lập doanh nghiệp còn mang tính hình thức, chưa đi sâu vào đánh giá về năng lực tài chính, công nghệ và tác động môi trường.

Thứ hai, tình trạng tranh chấp lao động và đình công vẫn xảy ra, có tình trạng doanh nghiệp nợ lương, nợ bảo hiểm xã hội, bỏ trốn.

Thứ ba, chưa ngăn chặn được triệt để tình trạng vi phạm về thuế của các doanh nghiệp có vốn ĐTTNN.

Thứ tư, vẫn để xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường do các doanh nghiệp có vốn ĐTTNN gây ra.

Thứ năm, tỷ lệ chuyển giao công nghệ của các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài hiện nay còn rất khiêm tốn.

3.3.2.2. Nguyên nhân của những hạn chế

*** Nguyên nhân chủ quan**

Thứ nhất, công tác phân công và phối hợp thực hiện quản lý các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vẫn còn những điểm trông chéo, rườm rà, bất cập.

Thứ hai, hệ thống cơ sở vật chất phục vụ công tác quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài còn chưa theo kịp với sự phát triển của các doanh nghiệp.

Thứ ba, năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước vẫn còn hạn chế về chuyên môn, trình độ ngoại ngữ, văn hoá kinh doanh của các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

*** Nguyên nhân khách quan**

Thứ nhất, tình hình kinh tế - chính trị trong và ngoài nước thường xuyên biến động, cạnh tranh giữa các địa phương trong ưu đãi và giữ chân các doanh nghiệp có vốn ĐTTNN ngày càng gia tăng.

Thứ hai, mục tiêu, ý thức trách nhiệm của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Thứ ba, cơ chế, chính sách pháp luật về doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và khoảng trống trong quy định cụ thể về đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Chương 4

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH QUYỀN TỈNH BẮC NINH

4.1. BỐI CẢNH MỚI VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH QUYỀN TỈNH BẮC NINH GIAI ĐOẠN 2025-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

4.1.1. Bối cảnh mới tác động đến quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của chính quyền tỉnh Bắc Ninh

4.1.1.1. Bối cảnh quốc tế

Một là, tăng trưởng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài từ các đối tác châu Á.

Hai là, xu hướng bảo hộ thương mại và căng thẳng địa chính trị toàn cầu.

Ba là, tác động của chính sách thuế thương mại Hoa Kỳ đến hoạt động quản lý đầu tư trực tiếp nước ngoài ở cấp tỉnh tại Việt Nam.

4.1.1.2. Bối cảnh trong nước

Một là, tác động của chủ trương tăng trưởng FDI hai con số đến quản lý nhà nước cấp tỉnh.

Hai là, thúc đẩy quản lý doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN trong bối cảnh “chuyển đổi kép”.

Ba là, tác động của cải cách bộ máy hành chính đến công tác quản lý doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN.

4.1.1.3. Bối cảnh trong tỉnh Bắc Ninh

Thứ nhất, quá trình sắp xếp đơn vị hành chính và kiện toàn tổ chức bộ máy nhà nước.

Thứ hai, gia tăng cạnh tranh thu hút FDI giữa các địa phương trong nước.

Thứ ba, định hướng thu hút doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN công nghệ cao, thân thiện môi trường và phát triển bền vững.

4.1.2. Phương hướng hoàn thiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của chính quyền tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2035

Thứ nhất, về quản lý hoạt động thành lập doanh nghiệp.

Thứ hai, về quản lý lao động.

Thứ ba, về quản lý thuế.

Thứ tư, về quản lý môi trường và chuyển giao khoa học công nghệ.

4.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH QUYỀN TỈNH BẮC NINH GIAI ĐOẠN 2025-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2035

4.2.1. Hoàn thiện công tác phân công và phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước với các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Thứ nhất, thực hiện phân công giữa các cơ quan quản lý nhà nước cụ thể, rõ ràng, chặt chẽ.

Thứ hai, xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan QLNN đối với các doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN.

Thứ ba, đơn giản hóa và minh bạch hóa thủ tục hành chính.

Thứ tư, xây dựng cơ sở dữ liệu liên thông giữa các cơ quan để đồng bộ thông tin về doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN.

Thứ năm, phát triển và thể chế hóa cơ chế đối thoại ba bên giữa nhà nước, doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN và tổ chức đại diện người lao động.

4.2.2. Hoàn thiện điều kiện vật chất phục vụ công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Thứ nhất, tăng cường đầu tư hạ tầng kỹ thuật hiện đại cho các cơ quan quản lý nhà nước về doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN trên địa bàn tỉnh.

Thứ hai, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN ở tỉnh Bắc Ninh.

Thứ ba, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong giám sát môi trường tại các doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN, hướng tới xây dựng hệ thống quản lý môi trường thông minh và kết nối dữ liệu tập trung trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

4.2.3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Thứ nhất, nâng cao năng lực ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp có vốn ĐTTNN.

Thứ hai, mở rộng hợp tác quốc tế và giao lưu trao đổi để nâng cao năng lực hội nhập quốc tế của cán bộ, công chức quản lý doanh nghiệp có vốn ĐTTNN tại Bắc Ninh.

4.2.4. Xây dựng cơ chế, chính sách để thúc đẩy trách nhiệm xã hội và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Thứ nhất, thực hiện các chương trình đào tạo, tuyên truyền về trách nhiệm xã hội và pháp luật cho doanh nghiệp có vốn ĐTTNN.

Thứ hai, xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm xã hội một cách nghiêm túc và hiệu quả.

Thứ ba, xây dựng bộ chỉ tiêu đánh giá trách nhiệm xã hội và tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp có vốn ĐTTNN.

4.2.5. Tăng cường năng lực và hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Thứ nhất, xây dựng cơ chế thanh tra, kiểm tra rõ ràng và quy trình minh bạch đối với hoạt động thành lập doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Thứ hai, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra lao động trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, đặc biệt đối với tiền lương, bảo hiểm xã hội, điều kiện làm việc và quyền lợi của người lao động.

Thứ ba, tăng cường kiểm tra, thanh tra thuế có trọng tâm, trọng điểm.

Thứ tư, tăng cường yêu cầu tuân thủ và giám sát việc thực hiện Báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường và công khai thông tin môi trường trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Thứ năm, nâng cao hiệu lực giám sát của HĐND tỉnh với doanh nghiệp có vốn ĐTTNN.

4.3. KIẾN NGHỊ

- *Kiến nghị đối với Quốc hội:*
- *Kiến nghị đối với Chính phủ:*
- *Kiến nghị với Bộ Tài chính*
- *Kiến nghị với Bộ Khoa học và Công nghệ*
- *Kiến nghị với Tổng Cục thuế*

KẾT LUẬN

Quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại tỉnh Bắc Ninh đóng vai trò then chốt trong việc định hướng phát triển kinh tế - xã hội bền vững của địa phương. Với vị thế là một trong những trung tâm thu hút FDI hàng đầu cả nước, Bắc Ninh đã xây dựng được hệ thống quản lý nhà nước tương đối hoàn chỉnh, góp phần quan trọng vào những thành tựu phát triển kinh tế ấn tượng của tỉnh trong thập kỷ qua.

Thông qua quá trình nghiên cứu toàn diện, luận án đã đạt được những kết quả quan trọng sau:

Thứ nhất, luận án đã hệ thống hóa và bổ sung lý luận về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN trong bối cảnh mới, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến quản trị hiện đại, cách mạng công nghiệp 4.0 và phát triển bền vững.

Thứ hai, nghiên cứu đã phân tích sâu sắc thực trạng quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN tại Bắc Ninh giai đoạn 2015-2024 từ cả hai góc độ: (1) góc nhìn của cơ quan quản lý nhà nước và (2) góc nhìn từ chính các doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN. Cách tiếp cận đa chiều này đã mang lại cái nhìn toàn diện, khách quan về những thành công cũng như hạn chế trong công tác quản lý hiện nay.

Thứ ba, luận án đề xuất hệ thống 05 nhóm giải pháp đồng bộ, có tính khả thi cao, được xây dựng trên cơ sở phân tích nguyên nhân sâu xa của các tồn tại. Các giải pháp này không chỉ mang tính đột phá mà còn phù hợp với đặc thù của một tỉnh công nghiệp phát triển nhanh như Bắc Ninh, có thể trở thành mô hình tham khảo cho các địa phương khác. Các giải pháp đề xuất hướng tới mục tiêu kép: vừa tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, vừa tạo môi trường thuận lợi để doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN phát triển bền vững, tuân thủ pháp luật và đóng góp tích cực vào sự phát triển của địa phương.

Mặc dù đã có nhiều nỗ lực trong quá trình nghiên cứu, nhưng do giới

hạn về phạm vi không gian, thời gian và sự biến động không ngừng của các số liệu thực tế, luận án khó tránh khỏi những hạn chế nhất định. Tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu từ các nhà khoa học, các nhà quản lý và độc giả để tiếp tục hoàn thiện nghiên cứu trong tương lai.

Với những giá trị lý luận và thực tiễn đã đạt được, luận án kỳ vọng sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN tại Bắc Ninh nói riêng và các địa phương có điều kiện tương đồng nói chung, hướng tới mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội bền vững trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Hà Thái Sơn (2024), “Một số giải pháp nhằm phát huy vai trò của các doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh”, *Tạp chí nghiên cứu Tài chính kế toán*, Kỳ 1 tháng 10/2024 (số 223), ISSN: 1859-4093.

2. Hà Thái Sơn (2024), “Kinh nghiệm QLNN đối với doanh nghiệp có vốn ĐTTTNN ở một số địa phương và bài học cho chính quyền tỉnh Bắc Ninh”, *Tạp chí nghiên cứu Tài chính kế toán*, Kỳ 1 tháng 01/2025 (số 279), ISSN: 1859-4093.